

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 18-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Ông Hà Minh Giám

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên toà: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Dương Mạnh C, sinh năm 1992 tại xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn YB, xã TL, huyện ML, thành phố Hà Nội; tạm trú: TDP SĐ, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và bà Trần Thị S1; có vợ là Nguyễn Thị Thu H; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến nay, có mặt.

2. Đào Văn S, sinh năm 1990 tại xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LCh, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Trọng D và bà Trần Thị Th; có vợ là Hà Thị H1; con: Có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 10/11/2022, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, mức phạt 1.500.000Đ; ngày 21/11/2022 bị cáo chấp hành xong khoản tiền nộp phạt; nhân thân: Tại bản án số 06/2016/HSST ngày 02/02/2016 của TAND huyện TD xử phạt Đào Văn S 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng về tội "Đánh bạc"; phạt bổ sung 3.000.000Đ; truy thu 500.000Đ và 200.000Đ tiền án phí. Ngày 20/6/2016, bị cáo đã nộp đủ các khoản tiền nêu trên; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 02/6/2017, TAND huyện TĐ xử phạt bị cáo 03 năm

tù về tội “Đánh bạc”; phạt bổ sung 10.000.000Đ và nộp 200.000Đ án phí sơ thẩm. Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của Bản án số 06/2016/HSST ngày 02/02/2016 của TAND huyện TD, buộc S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 07 tháng tù. Ngày 27/11/2017, bị cáo chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung. Ngày 23/02/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 08/7/2022 Đào Văn S thực hiện hành vi đánh bạc, tại Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đào Văn S 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 15.000.000Đ, bị cáo phải chịu 200.000Đ án phí hình sự sơ thẩm, hiện bị cáo chưa nộp tiền phạt bổ sung và án phí. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa chấp hành án; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1988 tại xã HA, huyện BQ, tỉnh HG; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐB, xã HA, huyện BQ, tỉnh HG; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th1 và bà Hoàng Thị D1; chồng là Mai Xuân Đ (đã chết); con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến nay, có mặt.

4. Bùi Công B, sinh năm 1992 tại thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐA, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Th2 và bà Phí Thị Kh; vợ, con: Chưa có; tiền án: có 01 tiền án: Tại Bản án số 31/2019/HSST ngày 18/7/2019 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Bùi Công B 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS, án phí bị cáo phải chịu 200.000Đ. Ngày 26/9/2019, B đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 06/7/2021, bị cáo chấp hành xong án phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/2/2011, bị cáo bị Công an huyện TD xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm phạm an ninh và trật tự an toàn xã hội”, mức xử phạt 2.000.000Đ. Ngày 23/3/2016, bị cáo bị Công an huyện TD xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức xử phạt 500.000Đ. Ngày 19/7/2017, bị cáo bị Công an huyện TD xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau, mức xử phạt 1.000.000Đ. Ngày 15/02/2019, bị cáo bị Công an huyện Vĩnh Tường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, mức xử phạt 2.500.000Đ. Tại Bản án số 04/2013/HSST ngày 31/01/2013 của TAND huyện TD xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS, bị cáo phải chịu 200.000Đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 21/3/2013, bị cáo nộp 200.000Đ án phí, ngày 09/6/2015, bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Tại Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của TAND thành phố Vĩnh Yên xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về

tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian chấp hành án từ ngày 15/4/2023), có mặt.

5. Nguyễn Văn D2, sinh năm 2003 tại xã ND, huyện NL, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TP, xã ND, huyện NL, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Đặng Thị Nh2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến nay, có mặt.

6. Đặng Thị S3, sinh năm 2003 tại xã PL, huyện LY, tỉnh Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3 V, xã PL, huyện LY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Kh1 và bà Lý Thị G; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2023 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị S3: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985, nơi cư trú: TDP CĐ, thị trấn GK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn CL, xã MQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

2. Chị Lường Thị P (tên gọi khác: H), sinh năm 1994, nơi cư trú: Bản L, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2022 Bùi Công B thuê nhà ở của bà Tạ Thị Ng, sinh năm 1973 ở tổ dân phố ĐT, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc để làm địa điểm kinh doanh quán hát karaoke, do B có tiền án, tiền sự không đủ điều kiện để đứng tên chủ cơ sở kinh doanh nên B nhờ anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985, trú tại xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên đăng ký kinh doanh. Ngày 23/9/2022 cơ sở được cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ, lấy tên quán là Lucky Star, địa chỉ kinh doanh tại TDP Đ Tâm, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Bùi Công B là người quản lý điều hành và kinh doanh quán hát (bà Ng và anh Ch không tham gia kinh doanh, không quản lý, điều hành cơ sở kinh doanh). Bùi Công B thuê Nguyễn Văn D2 làm quản lý của quán hát và Đặng Thị S3 là nhân viên phục vụ. Do chưa khắc phục được tồn tại liên quan đến công tác phòng cháy chữa cháy nên cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke của B đang bị tạm dừng kinh

doanh. Tuy nhiên, Bùi Công B vẫn cho cơ sở kinh doanh hoạt động phục vụ khách hát và cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại quán để thu tiền cao. Theo đó, khi khách đến sử dụng trái phép chất ma túy, B cung cấp phòng và các dụng cụ như đĩa, thẻ, bình khò gas cùng nhân viên (khi có yêu cầu) cho khách sử dụng trái phép chất ma túy và tính tiền phòng hát 500.000Đ/giờ đối với phòng to và 400.000Đ/giờ đối với phòng nhỏ. Nếu B có mặt tại quán thì sẽ là người trực tiếp bố trí phòng cho khách, nếu B không có mặt tại quán thì D2 là người bố trí, sắp xếp phòng cho khách.

Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 06/4/2023, Công an huyện TD tiến hành kiểm tra phát hiện Bùi Công B và Nguyễn Văn D2 đang thực hiện hành vi tổ chức cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở kinh doanh, cụ thể như sau: Tại phòng hát số 02 tầng 02 của quán hát: Buổi trưa ngày 06/4/2023, sau khi đi ăn khai trương quán SPA Nh - Ân của Nguyễn Thị Nh mở tại xã Thiện Kế, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc, Dương Mạnh C, Đào Văn S, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn Q, Lương Thị P và một số người bạn của Nh về quán Spa của Nh uống nước. Tại đây, C nói với Nh và S “Hôm nay khai trương quán của Nh đi bay tý cho vui”, ý của C là rủ Nh và S đi sử dụng ma túy tại quán hát Karaoke, C sẽ lo tiền phòng; Nh và S sẽ lo tiền mua ma túy, Nh và S Đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe ô tô taxi, loại xe Hyundai I10, màu bạc, BKS: 30E-593.87 chở Nh và S đi mua ma túy, nhưng không mua được nên cả ba quay lại quán Spa. Trên đường về quán, C nói nếu Nh và S mua được ma túy thì bảo C sẽ bố trí phòng. Lúc này, S gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1995 ở thôn LM, xã TQ, huyện TĐ thông qua ứng dụng Messenger có tên tài khoản là “K Xu” hỏi K chỗ bán ma túy, K gửi số điện thoại của người bán ma túy cho S, rồi C đưa S và Nh về quán của Nh rồi lái xe về nhà.

Sau khi về quán Spa của Nh, Đào Văn S gọi điện thoại đến số điện thoại K gửi lúc trước và hỏi mua ma túy gồm 04 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke của một người đàn ông, người này Đồng ý bán 350.000Đ/01viên ma túy kẹo, 1.500.000Đ/01 chỉ ma túy ke, với tổng số tiền là 2.900.000Đ và hẹn ra khu vực cổng Chùa Hà - thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó, Đào Văn S lấy xe máy BKS: 23D1- 402.50 của Nh và rủ Nh cùng đi mua ma túy, Nh Đồng ý. Khi S và Nh đến cổng Chùa Hà, người đàn ông bán ma túy gọi điện thoại bảo S chuyển tiền mua ma túy vào tài khoản cho người đó, S bảo Nh chuyển khoản số tiền 2.900.000Đ vào số tài khoản 263.760.026 của Ngân hàng VPbank do người này đọc. Sau khi chuyển tiền, người đàn ông bảo S di chuyển về hướng Trường Chuyên Vĩnh Phúc - thành phố Vĩnh Yên. Khi đi đến cổng trường Chuyên Vĩnh Phúc theo hướng Vĩnh Yên đi TĐ, một người đàn ông đi xe máy Wave màu đỏ, không rõ biển kiểm soát đi cùng chiều tiến đến và đưa cho S 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong chứa ma túy kẹo và ma túy ke, S cầm ma túy cất vào túi quần bên trái đang mặc.

Sau khi mua được ma túy, Đào Văn S nhận được điện thoại của Lê Văn Đ nên S rủ Đ đi hát nhưng không nói là đi hát sử dụng ma túy, Đ đồng ý. Sau đó, S bảo Nh gọi điện thoại thông báo cho C biết đã mua được ma túy. Khi được Nh thông báo, C gọi điện thoại cho Bùi Công B là chủ quán hát Lucky Star để đặt phòng hát, rồi điều khiển xe ô tô đi tới quán hát. Sau đó, S và Nh về nhà Đ, để Nh ở nhà Đ còn S đi xe máy về quán Spa của Nh để cất xe máy. Khi về đến quán Spa, S gặp Nguyễn Văn Q và Lương Thị P nên rủ Q và P đi hát nhưng không nói là đi sử dụng ma túy, Q và P Đồng ý rồi cả ba đi B xe ô tô BKS: 20A-066.48 của Q đến nhà Đ đón Nh và Đ. Trong lúc chờ Nh và S, Dương Mạnh C đến quán Lucky Star trước, gặp B và một nhân viên quán là Đặng Thị S3 ở quầy lễ tân, C hỏi B: Phòng 2 còn không để cho C vì C biết phòng này chỉ để bay (sử dụng ma túy), B bảo “còn”, Đồng thời bảo nhân viên Sao lên dọn phòng. C ngồi đợi ở quầy lễ tân khoảng 10-15 phút, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì S, Nh, Q, Đ và P đến. Sau đó, Bùi Công B bảo Sao đưa mọi người lên phòng 02 tầng 02 của quán, Sao tới quầy lễ tân lấy 01 đĩa sứ màu trắng, khăn ướt, giấy khô và bình khò gas mini là dụng cụ để phục vụ việc sử dụng ma túy rồi đưa C, S, Nh, Q, Đ và P lên phòng.

Khi đi lên cầu thang, S đưa cho Nh vỏ bao thuốc lá chứa ma túy và bảo Nh đưa cho C. Khi vào phòng, Nh cắm điện thoại qua dây loa và bật nhạc để mọi người nghe nhạc. Lúc này mọi người uống bia và nghe nhạc, Q uống được 2-3 cốc bia, sau đó nằm ra ghế ngủ do say rượu từ trưa. C lấy từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long 01 túi nilon màu trắng, có khóa bấm màu trắng, bên trong đựng các hạt tinh thể dạng đá là ma túy ke và 01 túi nilon màu trắng đựng 04 viên ma túy kẹo. C đưa cho Nh 01 viên ma túy kẹo; Nh bẻ viên ma túy kẹo làm hai, sử dụng một nửa và đưa cho S một nửa sử dụng B cách uống cùng với nước Coca Cola. C cầm một viên ma túy kẹo bẻ làm hai, sử dụng một nửa và đưa cho Sao một nửa, nhưng Sao không sử dụng mà để ở bàn, còn lại 02 viên ma túy kẹo và 01 túi nilon đựng ma túy ke C để trên bàn. Sau đó, P cầm một nửa viên ma túy kẹo sử dụng và đưa nửa viên cho Đ nhưng Đ không sử dụng mà để ở bàn; Q đang nằm ngủ trong phòng nên không biết mọi người sử dụng chất ma túy. Sau đó, C bảo Nh xào ma túy ke để sử dụng. C cầm bình khò gas mini hơi nóng đĩa rồi đưa cho Nh xào ma túy, Nh dùng thẻ nhựa cứng hình chữ nhật dầm nát và xào đảo ma túy. Trong lúc Nh xào ma túy, C hỏi “ai có tiền lẻ không”, Q nằm ở ghế, rút từ túi quần ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000Đ giơ lên đầu, C cầm và đưa cho Sao cuốn ống hút; Q tiếp tục nằm ghế ngủ, không biết C lấy tiền để cuốn ống hút sử dụng ma túy. Sao cầm tiền và cuốn thành ống hút để trên đĩa. Sau khi Nh xào ma túy xong, C là người sử dụng đầu tiên B cách cầm thẻ cứng kẻ 02 đường ma túy và dùng ống hút mà Sao cuốn, hít 02 đường ma túy ke; tiếp đến, Nh và Sao mỗi người sử dụng 02 đường ma túy ke; S sử dụng 03 đường ma túy ke. Tiếp sau S và C tiếp tục sử dụng 02 đường ma túy ke; Đ và P không sử dụng ma túy ke. Sau đó, những người trong

phòng tiếp tục nghe nhạc. Nguyễn Văn Q ngủ dậy chào mọi người về trước, không sử dụng ma túy và không biết việc mọi người trong phòng sử dụng ma túy.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Công B đi cắt tóc nên gọi Nguyễn Văn D2 đang ngủ trên phòng dậy trông quán. B bảo D2: “Phòng 2 khách đang hát”. D2 biết phòng 2 có khách sử dụng trái phép chất ma túy nên không kiểm tra mà ra quầy lễ tân nằm trông quán. Khoảng 17 giờ cùng ngày, B đi cắt tóc về, cùng D2 đi lên tầng 3, quan sát thấy lực lượng Công an huyện TD đến kiểm tra, B bảo D2 xuống phòng 02 dọn dẹp đồ và hô khách nghỉ đồng thời đi cùng D2 xuống phòng hát số 02. Khi xuống phòng 02 tầng 02, B hô “Có Công an đến”, D2 vào phòng cầm chiếc đĩa sứ là dụng cụ các đối tượng sử dụng ma túy chạy lên tầng 3 cất giấu, C cầm ống hút thả vào thùng rác trong phòng, những người khác bỏ chạy. Khi Công an vào kiểm tra, đã mời tất cả những người có liên quan quay lại phòng hát số 2, tầng 2 để làm việc, thu giữ tại phòng hát số 2, tầng 2 các đồ vật, tài liệu gồm: Thu giữ trên mặt bàn 02 túi nilon màu trắng, có bám dính hạt chất nhỏ bên trong nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1 và 01 bình khò gas mini; thu giữ trong thùng nhựa đựng rác 01 ống hút được cuốn B tờ tiền mệnh giá 50.000Đ, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A2.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Công B tại quán Karaoke Lucky Star thuộc tổ dân phố Đ Tâm, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình khám xét thu giữ: 01 quyển sổ bên ngoài bìa có in chữ Giáo án dòng kẻ ngang, bên trong có 13 trang giấy trắng có chữ viết, trong đó trang 13 ghi số “6/4”, “p2: 16h10” tại bàn lễ tân tầng 01 của quán Lucky Star; 01 khẩu súng B kim loại màu trắng, thân súng có chữ: “Made by ATAK arms LTD”; “TK2022”; “CAL.9 mm P.A.K”; “ZORAKI 2914-TD A3LZR2RYSO01-2200113”, báng súng được ốp nhựa màu đen, bên trong súng có lắp một băng đạn màu đen chứa 06 viên đạn hình tròn chữ màu vàng trong túi vải bạt để ở góc giường phòng ngủ giáp với nhà vệ sinh trên tầng 03 của quán được niêm phong vào hộp carton ký hiệu A12.

Kết quả trưng cầu giám định:

Tại bản kết luận giám định số 976/KLGD ngày 11/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Chất màu trắng bám dính trong 02 (hai) vỏ túi nilon màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Không xác định được khối lượng chất màu trắng bám dính bên trong 02 (hai) túi nilon do tồn ở dạng vết.”

Tại bản kết luận giám định số 1022/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A3 ghi là mẫu nước tiểu thu của Dương Mạnh C - SN 1992, HKTT: Yên Bài, Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Ketamine là

chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1023/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A4 ghi là mẫu nước tiểu thu của Đào Văn S - SN 1990, HKTT: LCh, TQ, TĐ, Vĩnh Phúc gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1024/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A5 ghi là mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Thị Nh - SN 1988, HKTT: Thôn ĐB, HA, BQ, HG gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1025/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A6 ghi là mẫu nước tiểu thu của Đặng Thị S3 - SN 2003, HKTT: PL, LY, Yên Bái gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1026/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A7 ghi là mẫu nước tiểu thu của Lường Thị P - SN 1994, HKTT: thôn Bản Lấp, Phổng Lấp, Thuận Châu, Sơn La gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1028/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A9 ghi là mẫu nước tiểu thu của Bùi Công B - SN: 1992, HKTT: Thôn ĐA, KL, TD, Vĩnh Phúc gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1029/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A10 ghi là mẫu nước tiểu thu của Nguyễn

Văn D2 - SN: 2001, HKTT: Xóm 10, ND, NL, Nghệ An gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1030/KLGD ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu chất lỏng màu vàng ký hiệu A11 ghi là mẫu nước tiểu thu của Lê Văn Đ - SN 1982, HKTT: Thôn CL, xã MQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc gửi đến giám định. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục IB, STT 11, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.”

Tại bản kết luận giám định số 1005/KLGD ngày 14/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự theo quy định tại điểm e, khoản 11, Điều 3 - Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.”

Đối với người nam giới đã bán ma túy cho S và Nh do Nguyễn Văn K (K Xu) giới thiệu, qua tra cứu thông tin số thuê bao và thông tin tài khoản ngân hàng khi liên hệ giao dịch mua bán ma túy với S và Nh xác định là của Nguyễn Mạnh Hùng, sinh ngày 14/5/1987, HKTT tại xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD đã ủy thác điều tra cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả, hiện đang tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với Nguyễn Văn K, ngày 06/4/2023, S liên lạc với K qua ứng dụng messenger và được K cho số điện thoại của người bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập đối với Nguyễn Văn K để xác minh làm rõ nhưng chưa có kết quả, hiện đang tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với Lương Thị P: Ngày 06/4/2023 P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý về hình sự. Công an huyện TD đã ra Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Lê Văn Đ: Quá trình điều tra xác định ngày 06/4/2023, Đ không sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát số 2, tầng 2 quán karaoke Lucky Star. Tuy nhiên tại bản kết luận giám định mẫu nước tiểu của Đ xác định có thành phần chất ma túy tổng hợp MDMA, do trước đó vài ngày Đ có sử dụng ma túy, không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 06/4/2023 tại quán Lucky Star.

Đối với Nguyễn Văn Q: Quá trình điều tra xác định Q có mặt tại phòng 2, tầng 2 của quán karaoke Lucky Star. Quá trình điều tra xác định, Q được S rủ đi hát, Q không biết việc Nh, C, S đến quán để sử dụng ma túy. Khi vào phòng hát, Q có uống bia, bị say bia, rượu nên nằm ngủ ở ghế. Khi đưa tờ tiền 50.000Đ cho C,

Q không biết C dùng tờ tiền để cuốn ống hút sử dụng ma túy. Sau đó, Q về trước, không sử dụng ma túy và không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy. Kết quả xét nghiệm ma túy với Q là âm tính.

Đối với Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985, HKTT tại thôn K Tháp, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc: Quá trình điều tra xác định Ch là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke của quán Lucky Star. Tuy nhiên, Chuyển chỉ là người được B nhờ đứng tên hộ trong giấy đăng ký kinh doanh, không tham gia quản lý, điều hành hoạt động của quán hát, không biết việc B cho khách sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Quán karaoke Lucky Star, xác định là của bà Tạ Thị Ng cho B thuê lại để kinh doanh quán hát. Việc B tổ chức cho khách hát sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke thì bà Ng không biết.

Tại cơ qua điều tra, Nguyễn Thị Nh, Đào Văn S, Dương Mạnh C, Bùi Công B, Đặng Thị S3 và Nguyễn Văn D2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và các Đ phạm như đã nêu ở trên.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSTD ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố các bị cáo Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo; giữ nguyên Q định truy tố bị cáo như Cáo trạng, Đồng thời đề nghị Hội Đ xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Mạnh C từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/7/2022 đến ngày 15/7/2022 của Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Công B từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù của Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của TAND thành phố Vĩnh Yên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian đã chấp hành án của Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/01/2024) là 09 tháng 09 ngày tù, bị cáo còn phải chấp hành từ 03 năm 05 tháng 21 ngày đến 03 năm 08 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D2 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị S3 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/9/2023.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước các phương tiện và số tiền sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định, các công cụ, phương tiện và tài sản không còn giá trị sử dụng.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị S3 là bà Nguyễn Thị Thúy Hằng đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Thị S3. Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD. Các bị cáo Đào Văn S, Nguyễn Thị Nh khai nhận đã cùng nhau mua ma túy kẹo (ma túy MDMA) và ma túy ke (ma túy Ketamine), Dương Mạnh C là người khởi sướng, rủ rê và thuê địa điểm, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 là người bố trí, sắp xếp, tạo điều kiện về địa điểm, cung cấp dụng cụ cho các đối tượng trong phòng hát sử dụng trái phép chất ma túy, Đồng thời cảnh giới, hô hoán và cất giấu các công cụ, phương tiện mà các đối tượng sử dụng ma túy khi lực lượng Công an đến kiểm tra. Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 06/4/2023, tại phòng 02 tầng 02 quán Karaoke Lucky Star thuộc tổ dân phố Đ Tâm, thị trấn KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 đã có hành vi tổ chức cho Lương Thị P sử dụng trái phép ma túy. Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Đặng Thị S3 và Lương Thị P sử dụng ma túy đến 17 giờ 30 phút ngày 06/4/2023 thì bị Công an huyện TD kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi phát hiện bắt quả tang tại phòng hát bao gồm: 02 túi nilon màu trắng, có bám dính hạt nhỏ bên trong là ma túy ketamine, 01 bình khò gas mini, 01 ống hút được cuốn B tờ tiền mệnh giá 50.000Đ.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 là phù hợp nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định cùng các vật chứng, tài liệu khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 tổ chức cho Lương Thị P sử dụng trái phép chất ma túy đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi rủ rê, thuê địa điểm, cung cấp ma túy, cung cấp địa điểm và các công cụ phương tiện, tụ tập đông người để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác của Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy của

Nhà nước, xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo Dương Mạnh C là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo Đào Văn S và Nguyễn Thị Nh mua ma túy Đồng thời là người trực tiếp thuê địa điểm để sử dụng ma túy, trong phòng hát C đưa ma túy kẹo (ma túy MDMA) cho Nh và Sao, sau đó khò nóng đĩa để cho Nh xào ma túy Ketamine nên xác định C tham gia phạm tội với vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Đào Văn S, Nguyễn Thị Nh có vai trò là người thực hành cung cấp ma túy, S trực tiếp liên hệ với người bán và cùng Nh đi mua ma túy, khi vào phòng hát thì Nh đưa ma túy kẹo cho S, Nh trực tiếp xào ma túy Ketamine để các đối tượng cùng sử dụng, do vậy S và Nh có vai trò như nhau. Bị cáo Bùi Công B là chủ quán hát đã cung cấp địa điểm, cung cấp dụng cụ cho các đối tượng, khi các đối tượng sử dụng ma túy trong phòng thì B cảnh giới, hô hoán để các đối tượng cất giấu dụng cụ rồi bỏ chạy khi Cơ quan công an đến kiểm tra, vì vậy B là Đ phạm với vai trò giúp sức. Nguyễn Văn D2 được Bùi Công B thuê để quản lý, cảnh giới thay B khi B không có mặt tại quán, Đặng Thị S3 được Bùi Công B thuê để phục vụ khách đến hát và sử dụng ma túy, Sao là người đem các dụng cụ như đĩa, bình khò ga lên phòng cho các đối tượng sử dụng. Vì vậy, trong vụ án này Dương và Sao là Đ phạm giúp sức, có vai trò ngang nhau.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo B và bị cáo S đều là đối tượng có nhân thân xấu. Bị cáo B phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo C, Nh, D2, Sao đều có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả sáu bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S có bố và ông nội là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Sao là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, khi Q định hình phạt, Hội Đ xét xử đã cân nhắc mức hình phạt đối với từng bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội và nhân thân của từng bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Bị cáo Bùi Công B bị xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của TAND thành phố Vĩnh Yên (đang chấp hành án). Bị cáo Đào Văn S bị xử phạt 01 năm tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc (chưa chấp hành án). Vì vậy, khi Q định hình phạt cần buộc bị cáo Bùi Công

B và Đào Văn S phải chấp hành hình phạt của các Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của lần phạm tội này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội Đ xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với Nguyễn Văn K và người nam giới mà Nh và S khai đã liên hệ với người này để mua ma túy (qua thông tin thuê bao điện thoại và số tài khoản được xác định là Nguyễn Mạnh Hùng), hiện tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Lương Thị P là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy cùng các bị cáo tại phòng 02 tầng 02 quán karaoke Lucky Star ngày 06/4/2023, Công an huyện TD đã xử phạt vi phạm hành chính đối với P nên Hội Đ xét xử không xem xét.

Đối với Lê Văn Đ và Nguyễn Văn Q, quá trình điều tra xác định Đ và Q không sử dụng ma túy cùng các bị cáo tại phòng 02 tầng 02 quán karaoke Lucky Star ngày 06/4/2023 nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Tạ Thị Ngọc (là người cho Bùi Công B thuê quán để kinh doanh) và anh Nguyễn Văn Chuyển (là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke của quán Lucky Star), bà Ngọc và anh Chuyển không tham gia quản lý, điều hành hoạt động của quán hát, không biết việc B cho khách sử dụng trái phép chất ma túy nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với hành vi tàng trữ 01 khẩu súng và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 06 viên đạn, vỏ B kim loại, đầu đạn B cao su) của Bùi Công B. Cơ quan điều tra xác định là công cụ hỗ trợ. Công an huyện TD đã ra xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Công B về hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ và tịch thu tang vật nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án:

Đối với các công cụ phương tiện mà các đối tượng sử dụng gồm đĩa sứ, bình khò ga, sổ ghi chép và các mẫu vật hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng màu vàng của Nh, điện thoại di động của C, điện thoại di động của S; xe mô tô của Nh, đầu ghi camera của B là công cụ sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với tờ tiền polime mệnh giá 50.000Đ của Nguyễn Văn Q, các đối tượng dùng để cuốn ống hút trong khi sử dụng trái phép chất ma túy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với điện thoại di động màu đen bàn phím cơ, mặt trước có chữ Nokia của Nh, là tài sản hợp pháp của Nh, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo Nh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 1.000.000Đ thu giữ của

Đào Văn S không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe ô tô BKS: 30E-593.87, nhãn hiệu Hyundai I10 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần quốc tế Thịnh Hưng giao cho C quản lý, sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần quốc tế Thịnh Hưng, Hội Đ xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Mạnh C, Đào Văn S, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Mạnh C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn S 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/7/2022 đến ngày 15/7/2022 của Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Công B 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù của Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của TAND thành phố Vĩnh Yên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã chấp hành án của Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (từ ngày 15/4/2023 đến ngày 18/01/2024) là 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày tù, bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) năm 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2024

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị S3 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/9/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:
 - + 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 30cm.
 - + Mẫu vật hoàn trả sau giám định có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc gồm: 02 (hai) vỏ túi nilon cùng toàn bộ bao gói niêm phong được niêm phong dán kín trong cùng một bao giấy gói “MẪU TRẢ”.
 - + 01 hộp giấy, bên trong là mẫu vật hoàn trả sau giám định nước tiêu của các bị can và những người có liên quan được niêm phong dán kín, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + 01 quyển sổ bên ngoài bìa có in chữ Giáo án dòng kẻ ngang, bên trong có 13 trang giấy trắng có chữ viết trong đó trang 13 ghi số “6/4”, “p2:16h10”.
 - + 01 bình khò gas mini.
 - Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000Đ của Nguyễn Văn Q (là tờ tiền polime mà các đối tượng cuốn làm ống hút để sử dụng ma túy).
 - Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước:
 - + 01 điện thoại di động cảm ứng, mặt sau màu vàng gold đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Nh.
 - + 01 điện thoại di động cảm ứng, mặt sau có ghi chữ SAMSUNG của Dương Mạnh C.
 - + 01 điện thoại di động cảm ứng, mặt sau màu ghi xám có ghi chữ Iphone, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của Đào Văn S.
 - + 01 xe mô tô BKS: 23D1-402.50, nhãn hiệu HONDA, số loại VISON của Nguyễn Thị Nh.
 - + 01 đầu ghi camera màu đen, nhãn hiệu Dahua của Bùi Công B.
 - Trả lại cho Nguyễn Thị Nh 01 điện thoại di động màu đen bàn phím cơ, mặt trước có chữ Nokia, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.
 - Trả lại cho Đào Văn S số tiền 1.000.000Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2023 giữa Công an huyện TD và Chi cục Thi hành án dân S huyện TD)

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đào Văn S, Dương Mạnh C, Nguyễn Thị Nh, Bùi Công B, Nguyễn Văn D2 và Đặng Thị S3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Bị cáo, ĐS;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Minh Hoàng